

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HỒNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST

Ngày 08-8-2019

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG - TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Cư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Quyên.

2. Bà Lương Thị Anh Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 08-8-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2019 về “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị C, sinh năm 1970.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: Khóm 1, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa chị Dương Thị C trình bày: Vào năm 1994, chị C và anh T có tổ chức đám cưới sống chung với nhau như vợ chồng cho đến nay chị C và anh T không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Như Ý, sinh năm 1997 và Nguyễn Chí Linh, sinh ngày 12/4/2001.

Thời gian đầu chung sống thì có hạnh phúc, đến khoảng năm 2015 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra gây gổ dẫn đến không còn hạnh phúc như trước. Xét thấy

tình cảm vợ chồng không thể nào hàn gắn lại được nữa. Vì vậy, chị C yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đ giải quyết những vấn đề sau đối với anh T:

- Về hôn nhân: Chị C yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.
- Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Như Ý, sinh năm 1997 và Nguyễn Chí Linh, sinh ngày 12/4/2001, đều đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Theo lời trình bày của anh Nguyễn Văn T: Về hôn nhân vào năm 1994, anh T và chị C có tổ chức đám cưới sống chung với nhau cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Nay chị C yêu cầu ly hôn với anh T thì anh thống nhất. Về con chung: anh T thừa nhận anh và chị C có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Như Ý, sinh năm 1997 và Nguyễn Chí Linh, sinh ngày 12/4/2001, đều đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết,
- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xét thấy, Tòa án thụ lý vụ án ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị C và anh T tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1994 cho đến nay vẫn không đăng ký kết hôn được sự xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện T, tỉnh Đ vào ngày 20-6-2019.

Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

...”

Đồng thời tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định:

“ ...

2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của luật này; nếu có yêu cầu về con chung và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.”

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy: Chị C và anh T có đủ điều kiện kết hôn nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Vì vậy, tuyên bố không công nhận chị Dương Thị C và anh Nguyễn Văn T quan hệ vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Chị C và anh T đều thừa nhận trong thời gian sống chung với nhau như vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Như Ý, sinh năm 1997 và Nguyễn Chí Linh, sinh ngày 12/4/2001, đều đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị C và anh T tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh T không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng vào các Điều 9, 14, 51, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Thị C và anh Nguyễn Văn T là quan hệ vợ chồng.

[2] Về con chung: Chị Dương Thị C và anh Nguyễn Văn T đều thừa nhận có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Như Ý, sinh năm 1997 và Nguyễn Chí Linh, sinh ngày 12/4/2001, đều đã thành niên, tự lao động sinh sống được không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Chị Dương Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng. Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị C đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số: BH/2017/0008146 ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng. Như vậy, chị C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn T không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08-8-2019).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- UBND thị trấn SaRài, huyện Tân Hồng;
- Chi cục THADS huyện Tân Hồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Văn Cư